

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85723 /CT-TTHT
V/v chính sách thuế GTGT
dự án ODA

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: Văn phòng đại diện Tetra Tech ARD
Đ/c: Tầng 12 Toàn nhà VIT Tower 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
MST: 0107725746

Trả lời công văn không số đề ngày 29/11/2018 của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của Công ty nước ngoài Tetra Tech ARD (sau đây gọi tắt là Văn phòng) về chính sách thuế GTGT đối với dự án ODA, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính như sau:

“6. Hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo.

a) Đối với dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại: chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án được hoàn lại số thuế GTGT đã trả đối với hàng hoá, dịch vụ mua ở Việt Nam để sử dụng cho chương trình, dự án.”

- Căn cứ Điều 50 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA như sau:

“Điều 50. Hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA

1. Đối với Chủ dự án và Nhà thầu chính

a) Nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT

Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi Cục Thuế quản lý trực tiếp địa bàn nơi thực hiện dự án vào bất kỳ thời điểm nào khi phát sinh số thuế GTGT đầu vào được hoàn trong thời gian thực hiện dự án; trường hợp dự án ODA có liên quan đến nhiều tỉnh thì hồ sơ hoàn thuế GTGT gửi Cục Thuế quản lý trực tiếp nơi chủ dự án đóng trụ sở chính.

Nhà thầu nước ngoài thực hiện dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi cơ quan thuế nơi nộp hồ sơ khai thuế.

b) Hồ sơ hoàn thuế GTGT

- Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách nhà nước theo mẫu 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào mẫu số 01-1/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc phê duyệt dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại, dự án sử dụng vốn ODA vay ưu đãi được ngân sách nhà nước



cấp phát (bản chụp có đóng dấu và chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền của dự án). Trường hợp hoàn thuế nhiều lần thì chỉ xuất trình lần đầu.

- Xác nhận của cơ quan chủ quản dự án ODA về hình thức cung cấp dự án ODA là ODA không hoàn lại hay ODA vay được ngân sách nhà nước cấp phát ưu đãi thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng (bản chụp có xác nhận của cơ sở) và việc không được ngân sách nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế giá trị gia tăng. Người nộp thuế chỉ phải nộp tài liệu này với hồ sơ hoàn thuế lần đầu của dự án.

Trường hợp nhà thầu chính lập hồ sơ hoàn thuế thì ngoài những tài liệu nêu tại điểm này, còn phải có xác nhận của chủ dự án về việc dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để thanh toán cho nhà thầu theo giá có thuế giá trị gia tăng; giá thanh toán theo kết quả thầu không có thuế giá trị gia tăng và đề nghị hoàn thuế cho nhà thầu chính.

2. Đối với Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA

a) Nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT

Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi Cục Thuế quản lý địa bàn nơi đặt văn phòng điều hành của dự án vào bất kỳ thời điểm nào khi phát sinh số thuế GTGT đầu vào được hoàn trong thời gian thực hiện dự án.

b) Hồ sơ hoàn thuế GTGT

- Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách nhà nước theo mẫu 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào mẫu số 01-1/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Văn bản thoả thuận giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam với Nhà tài trợ về việc thành lập Văn phòng đại diện (bản chụp có xác nhận của Văn phòng).

- Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thành lập Văn phòng đại diện (bản chụp có xác nhận của Văn phòng)."

- Căn cứ Thông tư 181/2013/TT-BTC ngày 03/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ:

+ Tại Điều 5 Mục 1 Chương II hướng dẫn chính sách thuế đối với chủ Dự án như sau:

"Điều 5. Chính sách thuế đối với Chủ dự án

...2. Thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam.

a) Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại được hoàn lại số thuế GTGT đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam nếu hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT và Chủ dự án không được Ngân sách Nhà nước cấp vốn để trả thuế GTGT. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì Chủ dự án không được hoàn thuế GTGT đầu vào

đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam không phân biệt hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT hay không bao gồm thuế GTGT.

...b) Trường hợp nhà tài trợ thành lập văn phòng đại diện của nhà tài trợ tại Việt Nam và trực tiếp mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại hoặc giao cho Chủ dự án ODA thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại thì nhà tài trợ được hoàn lại số thuế GTGT đã trả. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này.”

+ Tại Điều 6 Mục 1 Chương II hướng dẫn chính sách thuế đối với nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện dự án như sau:

"Điều 6. Chính sách thuế đối với nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện dự án

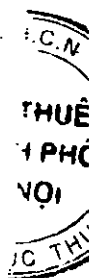
...2. Thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác đối với cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

...b) Nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho nhà thầu chính của dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

...d) Trường hợp nhà thầu chính (không phân biệt nhà thầu chính là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hay phương pháp trực tiếp) ký hợp đồng với Chủ dự án ODA hoặc Nhà tài trợ để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại với giá không bao gồm thuế GTGT và dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì nhà thầu chính được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án, Nhà tài trợ. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì nhà thầu chính không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam không phân biệt hợp đồng ký giữa chủ dự án và nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT hay không bao gồm thuế GTGT. Nhà thầu chính phải khai, nộp thuế GTGT theo quy định của Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành...."

+ Tại Điều 13 hướng dẫn hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA viện trợ không hoàn lại có một phần nguồn vốn trong nước:

"Trường hợp dự án ODA viện trợ không hoàn lại có cơ cấu vốn một phần là nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại, một phần là vốn đối ứng từ Ngân sách nhà nước, vốn đóng góp của nhân dân (phần vốn này được quy định để thực hiện một phần công việc của dự án nhưng không được quy định để trả thuế GTGT) thì Chủ dự án hoặc nhà thầu chính được hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ được mua từ phần nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại để phục vụ dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 Thông tư này, không được hoàn thuế GTGT đối với phần hàng hóa dịch vụ mua bằng nguồn vốn đối ứng từ NSNN và vốn đóng góp của nhân dân. Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại, nhà thầu chính phải hạch toán riêng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ được mua từ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại, nếu không hạch toán riêng được thì Chủ dự án không



được hoàn thuế GTGT, nhà thầu chính sẽ được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này....”

- Căn cứ Điểm 3.2, Mục 3 Chương III Thông tư 03/2007/TT-BKH ngày 12/3/2007 của Bộ Kế hoạch và đầu tư:

“a. Ban QLDA được đăng ký sử dụng con dấu riêng theo quy định của pháp luật để phục vụ cho việc thực hiện chương trình, dự án.

b. Ban QLDA được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều ước quốc tế về ODA ký kết với nhà tài trợ.”

- Căn cứ Thông tư 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế:

+ Tại Khoản 1, Điều 2 hướng dẫn về đối tượng áp dụng:

“1. Người nộp thuế là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sau:

...d) Tổ chức được thành lập bởi cơ quan có thẩm quyền không có hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Tổ chức khác)

...e) Tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài hành nghề độc lập kinh doanh tại Việt Nam phù hợp với pháp luật Việt Nam có thu nhập phát sinh tại Việt Nam (sau đây gọi là nhà thầu nước ngoài) hoặc có phát sinh nghĩa vụ thuế tại Việt Nam....”

+ Tại điểm b Khoản 3 Điều 5 hướng dẫn cấp và sử dụng mã số thuế:

“...b) Cấp mã số thuế cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế:

Nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì được cấp mã số thuế 10 số theo từng hợp đồng thầu đã ký.

Trường hợp nhà thầu nước ngoài liên danh với các tổ chức kinh tế Việt Nam để tiến hành kinh doanh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng thầu và các bên tham gia liên danh thành lập ra Ban điều hành liên danh, Ban điều hành thực hiện hạch toán kế toán, có tài khoản tại ngân hàng và chịu trách nhiệm phát hành hóa đơn; hoặc tổ chức kinh tế Việt Nam tham gia liên danh chịu trách nhiệm hạch toán chung và chia lợi nhuận, cho các bên tham gia liên danh thì Ban điều hành liên danh, hoặc tổ chức kinh tế Việt Nam được cấp mã số thuế 10 số để kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế cho hợp đồng nhà thầu theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.”

+ Tại Khoản 1 Điều 6 hướng dẫn thời hạn thực hiện đăng ký thuế của người nộp thuế:

“Người nộp thuế có trách nhiệm thực hiện đăng ký thuế theo đúng thời hạn quy định tại Điều 22 Luật quản lý thuế, cụ thể như sau:

1. Các tổ chức kinh tế, tổ chức khác có hoạt động sản xuất kinh doanh phải thực hiện đăng ký thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ:

...- Ngày ký hợp đồng nhận thầu đối với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài kê khai nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế....”

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời theo nguyên tắc sau:

- Trường hợp Dự án ODA viện trợ không hoàn lại được cấp vốn đối ứng để trả tiền thuế GTGT thì không được hoàn thuế GTGT, không phân biệt hợp đồng ký giữa Chủ dự án với Nhà thầu chính bao gồm thuế GTGT hay không.

- Trường hợp Dự án ODA viện trợ không hoàn lại có cơ cấu vốn một phần là nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại, một phần là vốn đối ứng từ Ngân sách Nhà nước (phần vốn này được quy định để thực hiện một phần công việc của Dự án nhưng không được quy định để trả thuế GTGT) thì:

+ Chủ dự án được hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ được mua từ phần nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại để phục vụ Dự án nếu hợp đồng ký giữa Chủ dự án và Nhà thầu chính bao gồm thuế GTGT theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 181/2013/TT-BTC nêu trên. Trường hợp BQL dự án Phòng, chống buôn bán trái pháp luật các loại động, thực vật hoang dã là chủ dự án ODA không hoàn lại thì Ban quản lý dự án được sử dụng MST đã được cấp để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ Dự án và thực hiện thủ tục hoàn thuế GTGT.

+ Nhà thầu chính được hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ được mua từ phần nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại để phục vụ Dự án nếu hợp đồng ký giữa Chủ dự án và Nhà thầu chính không bao gồm thuế GTGT theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 181/2013/TT-BTC nêu trên. Nhà thầu chính đăng ký MST theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 95/2015/TT-BTC và sử dụng MST được cấp để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ Dự án và thực hiện thủ tục hoàn thuế GTGT.

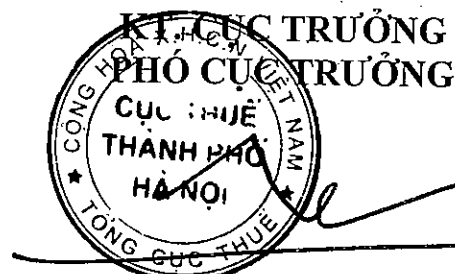
+ Nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Nhà thầu chính của dự án ODA không thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT theo quy định Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC.

- Thủ tục, hồ sơ hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 50 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính nêu trên.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Văn phòng được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng QLT TNCN;
- Phòng KK&KTT;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (7,3)



Mai Sơn